TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông:Trần Văn Tuấn
Bà: Thân Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hoàng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2021/TLST-HS, ngày 20/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HS ngày10/8/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên:**NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 1974; tên gọi khác: không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; giới tính: Nam;quốc tịch: Việt Nam; con ôngNguyễn Khoa Đvà bàDương Thị B.Có vợ Nguyễn Thị L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011.Gia đình bị cáo có 07 anh chiem, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình. Tiền án: Không. Tiền sự:

- Ngày 19/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời gian là 24 tháng. T chấp hành xong quyết định vào ngày 19/11/2019.

- Ngày 19/6/2020 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời gian là 03 tháng. T chấp hành xong quyết định vào ngày 20/9/2020.

- Ngày 29/10/2020 bị cáo Công an thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". T chấp hành nộp phạt ngày 23/11/2020.

- Ngày 15/12/2020 bị cáo Công an thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi "Chửi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác". T chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:*

Anh Dương Thế V, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ dân phố U, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Thế C, sinh năm 1975

Trú tại: Tổ dân phố Q2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. ÔngDương Viết T, sinh năm 1966

Trú tại: Tổ dân phố Q2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 11/5/2021 Nguyễn Văn T mượn xe mô tôBKS: 20G1-123.62 của anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Pđi theo hướng từTổ dân phố Q, thị trấnH, huyện P. Khi T đi qua nhà anh Dương Thế V, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố Q, thị trấnH, huyện P phát hiện thấy cổng nhà anh Vượng không khóa, trong nhà không có ai, T đã nảy sinh ý định đi vào nhà anh Vượng xem có tài sản gì thì trộm cắp. Khi T đi đến khu vực chuồng trâu nhà anh Vượng thì thấy có chiếc xe máy cày đã được tháo rời hai bánh để ở gần đó. Lúc nàyquan sát không thấy có ai, T dùng hai tay bê 01 chiếc bánh xe máy cày bằng kim loại mang ra để lên giá hàng của xe mô tô BKS: 20G1-123.62. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở đến quán thu mua phế liệu của chị Đoàn Thị Hvà nói với chị Hòa "Nhà tôi có cái

này không dùng đến, có mua không", chị Hòa ra xem rồi đồng ý mua với giá 90.000 đồng. Bán xong, T cầm tiền đi mua ma túy của một người đàn ông lạ mặt và sử dụng hết. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển chiếc xe mô tô trên về trả cho anh Hùng sau đó đi về nhà. Trong lúc T chở chiếc bánh xe máy cày đi tiêu thụ thì anh Dương Thế C, sinh năm 1975, trú tại Tổ dân phố Q2, thị trấn H, huyện P có nhìn thấy, vì biết T là người nghiện chất ma túy nên có nghi ngờ chiếc bánh xe máy cày T đang chở là tài sản do T trộm cắp. Thấy vậy, anh Chương gọi điện thoại báo cho ông Dương Viết T, sinh năm 1966, trú tại Tổ dân phố Q2, thị trấn H, huyện P biết sự việc trên. Lúc này ông Trọng gọi điện thoại cho anh Dương Thế V để kiểm tra xem có bị mất trộm bánh xe máy cày không. Nhận được thông tin trên, anh Vượng về nhà kiểm tra thì phát hiện chiếc bánh xe máy cày để ở khu vực cửa chuồng trâu đã bị mất trộm nên anh Vượng đã làm đơn trình báo đến Công an thị trấn H, huyện P đề nghị giải quyết. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an thị trấn H đã thành lập tổ công tác rà soát các đối tượng nghi vấn. Đến buổi chiều cùng ngày sau khi triệu tập Nguyễn Văn T đến Công an thị trấn H để làm việc thì T đã khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của mình nên Công an thị trấn H, huyện P đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 12/5/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Yêu cầu định giá tài sản số 43/ĐTTH gửi Hội đồng định giá tài sản huyện P để xác định giá trị 01 chiếc bánh xe máy cày nêu trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS, ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 chiếc bánh cày bằng kim loại, đường kính rộng nhất 67cm, khối lượng 10,5kg, đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

TạiBản cáo trạng số109/CT-VKSPB, ngày 19/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản", theođiểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự:Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 90.000 đồng của bị cáo T do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường,phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/5/2021, tại Tổ dân phố Q, thị trấn H, huyện P, Nguyễn Văn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc bánh xe máy cày bằng kim loại,đường kính rộng nhất 67cm, khối lượng 10,5kg, đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng của anh Dương Thế V sau đó đem bán cho chị Đoàn Thị H lấy 90.000 đồng.

Mặc dù tài sản bị cáo T chiếm đoạt của bị hại có giá trị dưới 2.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo đã có một tiền sự về hành vi "Trộm cắp tài sản" nay lại tiếp tục vi phạm nên hành vi trên đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản".Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây,thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáolà nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mẹ đẻ của bị cáo là bà Dương Thị B có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ theo quy địnhnênbị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹquy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.Bị cáo không phải chịutình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã từng bị giáo dục tại xã, thị trấn về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cũng như đã bị áp dụng biện pháp bắt buộc đưa vào cơ sở giáo dục và từng hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi trộm cắp tài sản và xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành công dân có ích mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do vậycần có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xác minh lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu giữ và trao trả cho bị hại là anh Dương Thế V 01 bánh xe máy cày bằng kim loại, anh Vượng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Nguyễn Mạnh H đã được nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20G1-123.62, chị Đoàn Thị Hcó đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 90.000 đồng và anh Hùng, chị Hòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu số tiền 90.000 đồng của bị cáo **T**do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

[7]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]Đối với chị Đoàn Thị H là người mua chiếc bánh xe máy cày của T nhưng trong giao dịch mua bán chị Hòa không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với chị Hòa.

Đối với anh Nguyễn Mạnh H là người cho T mượn chiếc xe mô tô BKS: 20G1-123.62 nhưng khi T hỏi mượn xeanh Hùng không biết T mượn xe để đi trộm cắp tài sản vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với anh Hùng.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, T không biết lai lịch địa chỉ ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để mở rộng điều tra vụ án.

[9] Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự , ra Quyết định tạm giam Nguyễn Văn T với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩmđể sung quỹ Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo;bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđược quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47của Bộ luật hình sự.Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329của Bộ luật tố tụng hình sự.Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2021.

3. Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam Nguyễn Văn T với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5.Về biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn T do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Nguyễn Văn T). Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Vắng mặt bị hại (anh Dương Thế V); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Nguyễn Mạnh H, chị Đoàn Thị H). Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND **huyện P**;
- Cơ quan điều tra CA **huyện P**;
- CQTHAHS Công an **huyện P**;
- Nhà tạm giữ Công an **huyện P**;
- Chi cục T.H.A DS **huyện P**;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Giang